

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc cấp giấy phép cắt xẻ đê để thi công các công qua đê,
thuộc dự án nâng cấp tuyến đê hữu sông Hoàng đoạn K28+760 - K33+500
huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Đê điều ngày 29/11/2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều ngày 17/6/2020; Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 113/NĐ-CP ngày 28/6/2007 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đê điều; số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

Căn cứ các Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh: Số 373/QĐ-UBND ngày 29/01/2016 về việc công bố chuẩn hóa thủ tục hành chính lĩnh vực thủy lợi thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Thanh Hóa; số 983/QĐ-UBND ngày 02/4/2025 về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thủ tục hành chính bị bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường/UBND cấp huyện/UBND cấp xã, tỉnh Thanh Hóa; số 3666/QĐ-UBND ngày 10/10/2023 về việc phê duyệt dự án nâng cấp tuyến đê hữu sông Hoàng đoạn K28+760 - K33+500 huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 1552/TTr-SNNMT ngày 17/12/2025 (kèm theo hồ sơ).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp giấy phép cắt xẻ đê để thi công các công qua đê, thuộc dự án nâng cấp tuyến đê hữu sông Hoàng đoạn K28+760 - K33+500 huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa, với các nội dung chính như sau:

1. Tên hạng mục công trình: Các cống qua đê thuộc dự án nâng cấp tuyến đê hữu sông Hoàng đoạn K28+760 - K33+500 huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa.

2. Chủ đầu tư: Ban QLDA đầu tư xây dựng khu vực Nông Cống.

3. Nhà thầu thi công xây dựng công trình: Công ty TNHH Mạnh Linh.

4. Vị trí xây dựng: Tại các vị trí K29+139,52; K29+488,36; K29+799,04; K29+909,65; K30+082,08; K30+251,09; K30+423,98; K30+798,16; K31+351,48; K31+958,36; K32+108,92; K32+324,38; K32+705,75 và K33+084,67, đê hữu sông Hoàng, trên địa bàn các xã: Trung Chính và Thắng Lợi.

5. Kích thước hố móng và các giải pháp thiết kế chủ yếu:

5.1. Kích thước hố móng:

(Chi tiết tại Phụ lục kèm theo).

5.2. Giải pháp thiết kế chủ yếu:

TT	Hạng mục	Chỉ tiêu, giải pháp thiết kế
1	Các cống làm mới	
1.1	* Cống hộp: Các cống tại K29+139,52; K29+909,65; K30+082,08; K30+423,98; K30+798,16; K32+108,92; K32+324,38 và K32+705,75	Kết cấu cống bằng BTCT M250; gia cố nền bằng cọc BTCT, tiết diện (BxH) = (25x25) cm, xung quanh thân cống được đắp bằng đất sét luyện; điều tiết cống bằng cửa van phẳng, ổ khóa kiểu trục vít, vận hành thủ công.
1.2	* Cống tròn: Các cống tại K29+488,36; K29+799,04 và K30+251,09	Thân cống bằng ống bê tông ly tâm đường kính $\Phi 60$ cm, đế móng cống bằng BTCT M250; gia cố nền bằng cọc tre, đường kính cọc $\Phi(6\div 8)$ cm, dài $L = 3,0$ m; xung quanh thân cống đắp đất sét luyện dày 50 cm; điều tiết cống bằng cửa van phẳng, ổ khóa kiểu trục vít, vận hành thủ công.
2	Các cống nối dài: Các cống tại K31+351,48; K31+958,36 và K33+084,67	Nối dài thân cống theo khẩu độ cống cũ, kết cấu phần bằng BTCT M250, xung quanh đắp đất sét luyện; gia cố nền bằng cọc BTCT, tiết diện (25x25) cm.

(Chi tiết như hồ sơ thiết kế kèm theo Tờ trình số 1552/TTr-SNNMT ngày 17/12/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường).

6. Thời gian được phép thi công: Được phép cắt xẻ đê để thi công các cống qua đê từ ngày ban hành quyết định này và thi công hoàn thành toàn bộ các cống qua đê trước ngày 30/6/2026 theo bảng tiến độ thi công của Chủ đầu tư.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Ban QLDA đầu tư xây dựng khu vực Nông Cống (Chủ đầu tư) chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện việc cắt đê và thi công công trình đảm bảo theo đúng nội dung Quyết định này, quy định của pháp luật về đê điều và các quy định của pháp luật hiện hành có liên quan, đảm bảo an toàn tuyệt đối cho công trình đê điều và không ảnh hưởng đến thoát lũ của sông Hoàng.

2. Yêu cầu chủ đầu tư tiếp thu, thực hiện đầy đủ nội dung yêu cầu của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 1552/TTr-SNNMT ngày 17/12/2025 trong quá trình thực hiện.

3. Sở Nông nghiệp và Môi trường thường xuyên theo dõi, chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc, giám sát việc thực hiện Quyết định này của chủ đầu tư; tham mưu, đề xuất Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định thu hồi Quyết định này nếu chủ đầu tư không thực hiện đầy đủ các nội dung yêu cầu tại khoản 1, khoản 2 Điều này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Chi cục trưởng Chi cục Thủy lợi, Giám đốc Ban QLDA đầu tư xây dựng khu vực Nông Cống; Chủ tịch UBND các xã: Trung Chính, Thắng Lợi và Thủ trưởng các đơn vị liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Các PCT UBND tỉnh;
- Đảng ủy các xã: Trung Chính, Thắng Lợi;
- Lưu: VT, NNMT, TTPVHCC.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Cao Văn Cường

PHỤ LỤC KÍCH THƯỚC HỒ MÓNG CÁC CỐNG

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2025 của Chủ tịch UBND tỉnh)

1. Các cống làm mới: 11 cống.

TT	Hạng mục	Hình thức, Chiều dài thân cống, khẩu độ cống	Cao trình đỉnh đê thiết kế (m)	Cao trình đỉnh đê hiện trạng tại vị trí cống (m)	Cao trình đáy cống thiết kế (m)	Cao trình đáy hồ móng tại thân cống (m)	Hệ số mái mở móng	Chiều dài cắt đê tại đáy hồ móng (m)	Chiều dài cắt đê tại mặt đê (m)
1	Cống tại K29+139,52	Cống hộp, L x (BxH) = 10m x (1,4 x 1,6)m	+ 3.7	+3.65	+1.0	+0.5	m = 1,5	3,0	12,45
2	Cống tại K29+488,36	Cống tròn, L x D = 12,6m x 60cm	+ 3.7	+3.16	+1.3	+0.89	m = 1,5	2,22	9,03
3	Cống tại K29+799,04	Cống tròn, L x D = 12,6m x 60cm	+3.7	+2.94	+1.2	+0.79	m = 1,5	2,22	8,67
4	Cống tại K29+909,65	Cống hộp, L x (BxH) = 13m x (1,0x1,2)m	+3.68	+2.73	+0.45	-0.05	m = 1,5	3,6	11,94
5	Cống tại K30+082,08	Cống hộp, L x (BxH) = 11,8m x (1,0x1,2)m	+3.68	+2.76	+1.0	+0.5	m = 1,5	3,6	10,38
6	Cống tại K30+251,09	Cống tròn, L x D = 14,6m x 60cm	+3.7	+2.82	+0.3	-0.11	m = 1,5	2,22	11,01
7	Cống tại K30+423,98	Cống hộp, L x (BxH) = 10,5m x (1,0x1,2)m	+3.7	+2.73	+1.1	+0.6	m = 1,5	3,6	9,99
8	Cống tại K30+798,16	Cống hộp, L x (BxH) = 15,5m x (1,4x1,6)m	+3.7	+2.48	+0.0	-0.5	m = 1,5	4,0	12,94
9	Cống tại K32+108,92	Cống hộp, L x (BxH) = 11,7m x (1,0x1,2)m	+3.7	+2.71	+0.8	+0.3	m = 1,5	3,6	10,83

10	Cống tại K32+324,38	Cống hộp, L x (BxH) = 11,6m x (1,0x1,2)m	+3.7	+3.1	+0.8	+0.3	m = 1,5	3,6	12,0
11	Cống tại K32+705,75	Cống hộp, L x (BxH) = 14,6m x (1,0x1,2)m	+3.7	+2.46	+0.05	-0.45	m = 1,5	3,6	12,33

2. Các cống nối dài: 03 cống

TT	Hạng mục	Hình thức, khẩu độ cống	Cao trình bề hiện trạng tại vị trí nối dài (m)	Cao trình đáy hố móng tại vị trí nối dài (m)	Hệ số mái mở móng tại vị trí nối dài	Chiều dài cắt xẻ bề tại đáy hố móng vị trí nối dài (m)	Chiều dài cắt xẻ bề tại vị trí nối dài (m)
1	Cống tại K31+351,48	Cống hộp, (BxH) = (1,4x1,6)m	+3.38	-0.08	m = 1,0	3,05	9,97
2	Cống tại K31+958,36	Cống hộp 02 cửa, n x (BxH) = 2 x (1,4x1,5)m	+2.95	-0.55	m = 1,0	4,9	11,9
3	Cống tại K33+084,67	Cống hộp 02 cửa, n x (BxH) = 2 x (1,4x1,7)m	+3.19	-1.4	m = 1,5	5,9	19,67